GIÁO DỤC VÀ ĐÀO T
ƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ I
----------o0o----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc
----------o0o----------

ĐIỂM THI HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH HAI
Chuyên ngành: Tiếng Anh Khóa: Khoá 2014
Học kỳ: Kỳ 2 Lần thi: Lần 1 Môn học:ENG102 Kỹ năng tiếng Anh II

STT	Mã SV	Lớp	Điểm	Đọc	Viết	Nghe	Nói	
1	1107020102	1ACN2-14	7.5	8.5	6.5	7.5	7.5	
2	1107020105	1ACN2-14	8.5	8.5	8.0	7.5	9.0	
3	1107030046	1ACN2-14	7.5	8.0	7.0	6.5	7.5	
4	1107050044	1ACN2-14	7.5	8.5	7.5	6.5	7.5	
5	1107050102	1ACN2-14	8.0	8.5	7.0	7.0	8.5	
6	1207020130	1ACN2-14	7.5	7.5	7.5	6.5	8.0	
7	1207030004	1ACN2-14	7.5	8.5	6.5	6.0	8.5	
8	1207030033	1ACN2-14	6.5	8.5	2.0	7.0	8.0	
9	1207040156	1ACN2-14	7.0	7.0	6.0	7.5	7.5	
10	1207040189	1ACN2-14	7.5	6.5	7.0	8.0	8.0	
11	1207090030	1ACN2-14	8.0	8.0	6.5	9.5	8.5	
12	1207090061	1ACN2-14	7.5	8.0	5.0	8.0	8.0	
13	1207090066	1ACN2-14	8.0	7.5	6.5	9.0	8.0	
14	1207090083	1ACN2-14	8.0	7.5	7.5	9.5	8.0	
15	1307020030	1ACN2-14	7.5	7.5	7.5	8.0	7.0	
16	1307020045	1ACN2-14	6.5	7.5	6.5	6.0	6.0	
17	1307020076	1ACN2-14	7.5	8.5	6.5	8.0	6.5	
18	1307020078	1ACN2-14	7.0	8.0	5.0	8.0	6.5	
19	1307020101	1ACN2-14	8.0	9.0	7.5	8.0	8.0	
20	1307030033	1ACN2-14	6.5	9.0	5.0	5.0	7.0	
21	1307030086	1ACN2-14	7.5	8.0	7.0	7.0	7.5	
22	1307030091	1ACN2-14	8.0	9.0	6.0	8.5	8.0	
23	1307030113	1ACN2-14	7.0	9.0	7.0	5.0	7.5	
24	1307030120	1ACN2-14	7.0	7.5	6.0	5.5	8.5	
25	1307040096	1ACN2-14	7.5	8.0	7.0	8.5	7.0	
26	1307040099	1ACN2-14	8.0	8.5	7.5	8.0	7.5	
27	1307040118	1ACN2-14	8.0	9.0	6.0	8.0	8.0	
28	1307040172	1ACN2-14	8.0	8.0	7.0	8.5	8.0	
29	1307050058	1ACN2-14	8.0	8.5	8.0	7.0	8.5	
30	1307050059	1ACN2-14	7.0	6.5	7.0	6.0	8.5	
31	1307050156	1ACN2-14	8.0	8.5	7.0	9.0	8.0	
32	1307060113	1ACN2-14	8.0	8.0	7.5	8.0	8.5	
33	1307090004	1ACN2-14	7.5	8.5	7.5	6.5	8.0	
34	1307090034	1ACN2-14	8.0	8.0	7.0	9.0	8.5	
35	1307100007	1ACN2-14	7.5	8.5	7.0	6.0	7.5	
36	1307100050	1ACN2-14	8.0	8.0	7.0	8.0	8.0	

Hà Nội, Ngày ….tháng ….năm 2015
TRƯỞNG KHOA